PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Sửa chữa thiết bị tự động hóa; Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí; Bảo vệ môi trường đô thị; Xử lý rác thải; Chế biến lương thực; Lắp đặt thiết bị lạnh; Công nghệ may veston; Công nghệ sợi; Sửa chữa thiết bị dệt; Gia công ống công nghệ; Vận hành máy xây dựng; Marketing thương mại; Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò; Đúc, dát đồng mỹ nghệ; Vận hành máy nông nghiệp; Sửa chữa, lắp ráp xe máy; Cốt thép - Hàn; Bán hàng trong siêu thị

Phụ lục

Danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Sửa chữa thiết bị tự động hóa; Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí; Bảo vệ môi trường đô thị; Xử lý rác thải; Chế biến lương thực; Lắp đặt thiết bị lạnh; Công nghệ may veston; Công nghệ sợi; Sửa chữa thiết bị dệt; Gia công ống công nghệ; Vận hành máy xây dựng; Marketing thương mại; Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò; Đúc, dát đồng mỹ nghệ; Vận hành máy nông nghiệp; Sửa chữa, lắp ráp xe máy; Cốt thép - Hàn; Bán hàng trong siêu thị

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

(Tiếp theo Công báo số 715 + 716)

Phụ lục 7a

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ CÔNG NGHỆ DỆT MAY VESTON

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã nghề: 40540208
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC, TỰ CHỌN)

Bảng 08. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ BỘ VESTON NỮ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 14
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ vẽ	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
4	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Ma nơ canh nữ bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước theo cỡ: S, M, L
6	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ bẻ ve	*Chiếc*	*01*		
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ đứng	*Chiếc*	*01*		
7	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 09. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ MẪU CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
7	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành, nguyên lý hoạt động và thực hành may vắt các chi tiết	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
8	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành, nguyên lý hoạt động và thực hành may tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
9	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0,2kW
10	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
11	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
12	Dụng cụ vẽ	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
13	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
14	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*35*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
15	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
16	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Bàn là hơi nước treo	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≤ 1500W
18	Bàn giác mẫu	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành trải giấy, vải trong quá trình giác mẫu	- Dài: (480 ÷ 500)cm - Rộng: (180 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 80)cm
19	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
20	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
21	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
22	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CẮT VÀ CHUẨN BỊ BÁN THÀNH PHẨM CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	02	Dùng để thực hành cắt phá, cắt các chi tiết trên bàn cắt	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
2	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
3	Máy cắt xén đầu bàn	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt xén vải	Công suất: ≥ 750W
4	Máy tở vải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tở vải trước khi cắt	Tốc độ: ≤ 50 m/phút
5	Máy khoan dấu	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành làm dấu cho các chi tiết	Công suất: (500 ÷ 1000)W
6	Bàn trải vải	Chiếc	02	Dùng để thực hành trải vải	- Dài: ≥ 600cm - Rộng: ≥ 100cm - Cao: ≥ 70cm
7	Găng tay bảo hộ	Đôi	02	Dùng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
8	Dụng cụ vẽ	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*		
	Ê ke	*Chiếc*	*01*		
9	Thước dây	Chiếc	09	Dùng để đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
11	Que gạt	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành gạt phẳng lá vải trong quá trình trải vải	Kích thước: (80 ÷ 100)cm
12	Kẹp đứng	Chiếc	10	Dùng để thực hành trong quá trình cắt và trải vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Kẹp ngang	Chiếc	10		
14	Chặn vải	Chiếc	02	Dùng để chặn đầu bàn trong quá trình trải vải	- Dài: ≤ 2500mm - Rộng: ≤ 100mm - Cao: ≤ 50mm
15	Ghim gài	Vỉ	03	Dùng để ghim vải trong quá trình thiết kế	Bằng thép không gỉ
16	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT BỊ SẢN XUẤT VESTON

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may zíc zắc	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy may lược	Bộ	01	Dùng để hướng thực hành may lược các chi tiết sản phẩm	Tốc độ: ≤ 1500 vòng/phút
9	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may tra tay đảm bảo an toàn	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
10	Máy dập móc quần	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập móc quần	- Áp lực khí nén: ≤ 7kg/cm^3 - Lực dập: 470kg
11	Máy 2 kim chỉ tết	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đáy quần	Tốc độ: (3000 ÷ 3500) vòng/phút
12	Cân móc	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra độ kết dính của vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
14	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất : 0.2kW
15	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
16	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt phá chi tiết sản phẩm	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
17	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
18	Máy khoan dấu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành làm dấu cho các chi tiết	Công suất: (500 ÷ 1000)W
19	Bàn tẩy sản phẩm	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tẩy vết bẩn trên sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
20	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Bàn là nhiệt	Chiếc	01		Công suất: ≥ 1500W
22	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CÔNG NGHỆ MAY BỘ VESTON NAM I

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may zíc zắc	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy may lược	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may lược các chi tiết sản phẩm	Tốc độ: ≤ 1500 vòng/phút
9	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may máy tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
10	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
11	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0,2kW
12	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
13	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để thực hành đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
14	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
15	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
17	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
18	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
19	Ma nơ canh nam bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
20	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
21	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
22	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu của áo Veston nam
23	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CÔNG NGHỆ MAY BỘ VESTON NAM II

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy zíc zắc sống cổ, chân cổ	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy may lược	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may lược các chi tiết sản phẩm	Tốc độ: ≤ 1500 vòng/phút
9	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may máy tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
10	Máy dập móc quần	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập móc quần	- Áp lực khí nén: ≤ 7kg/cm^3 - Lực dập: 470kg
11	Máy 2 kim chỉ tết	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đáy quần	Tốc độ: (3000 ÷ 3500) vòng/phút
12	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất : 0,2kW
14	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
15	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để thực hành đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
17	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
19	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
20	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
21	Ma nơ canh nam bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
22	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
23	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
24	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Mẫu bán chế phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu của áo Veston nam
25	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
26	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CÔNG NGHỆ MAY BỘ VESTON NỮ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may máy tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy 2 kim chỉ tết	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đáy quần	Tốc độ: (3000 ÷ 3500) vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
10	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0, 2kW
11	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
12	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để thực hành đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
14	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Bàn tẩy sản phẩm	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tẩy vết bẩn trên sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
16	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
17	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
18	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
19	Ma nơ canh nữ bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
20	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
21	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
22	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu của áo Vest nữ một lớp
23	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC) : HOÀN THIỆN BỘ SẢN PHẨM VESTON

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất : 0.2kW
2	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
3	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
4	Bàn tẩy sản phẩm	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tẩy vết bẩn trên sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
5	Bàn hút, cầu, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
2	Kéo cắt chỉ	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nam, nữ	*Chiếc*	*02*		
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*		
	Áo gilê nam, nữ	*Chiếc*	*02*		
4	Cân móc	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra độ kết dính của mex sau khi ép	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Cân bàn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra khối lượng của vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
7	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn đo và kiểm tra sản phẩm	- Dài: (130 ÷ 160)cm - Rộng: (80 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình sản xuất	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy tính	Chiếc	09	Dùng để thực hành tính toán trong quá trình thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nam, nữ	*Chiếc*	*02*		
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*		
4	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
5	Cân bàn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra khối lượng của vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn đo và kiểm tra sản phẩm	- Dài: (130 ÷ 160)cm - Rộng: (80 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ CHUYỀN MAY
BỘ VESTON NAM

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy tính	Chiếc	09	Dùng để thực hành tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
4	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nam cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Áo gilê nam	*Chiếc*	*01*		
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ CHUYỀN MAY
BỘ VESTON NỮ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy tính	Chiếc	09	Dùng để thực hành tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Váy (juyp)	*Chiếc*	*01*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TỔ CHỨC SẢN XUẤT CHUYỀN VESTON

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy tính	Chiếc	07	Dùng để hướng dẫn thực hành tính toán số liệu	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THỰC TẬP SẢN XUẤT

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Chiều dài: ≥ 150cm
3	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	18	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy tính	Chiếc	07	Dùng để hướng dẫn thực hành tính toán số liệu	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 22. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 28
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 23. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): LỊCH SỬ VÀ XU HƯỚNG THỜI TRANG

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 29
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 24. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): MARKETING DỆT MAY

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 30
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 25. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): THIẾT KẾ TRÊN MÁY TÍNH

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 31
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm thiết kế mẫu	Bộ	01	Dùng để ứng dụng thiết kế mẫu kỹ thuật	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy in màu	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19		
4	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế trang phục trên máy tính	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm thiết kế mẫu
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800x 1800)mm

Bảng 26. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): THIẾT KẾ CẮT MAY ÁO MĂNG TÔ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 32
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may 2 kim	Bộ	02		Tốc độ: (1500 ÷ 2000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
5	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
6	Dụng cụ vẽ	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
7	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
8	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Dập ghim	*Chiếc*	18		
	Bấm dấu	*Chiếc*	18		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	18		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	18		
9	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*		
10	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
11	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Bàn là nhiệt	Bộ	01		Công suất: ≥ 1500W
13	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
14	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
15	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 27. DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): THIẾT KẾ CẮT MAY ÁO GI LÊ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 33
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ vẽ	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
4	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*35*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
5	Ma nơ canh bán thân	Bộ	01	Dùng để ghim mẫu thiết kế, mặc thử mẫu	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*01*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
6	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
7	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
8	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
9	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
10	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
11	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
12	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Bàn là nhiệt	Bộ	01		Công suất: ≥ 1500W
14	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 28. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 34
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để tăng âm trong phòng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*		*Công suất loa: ≥ 20W*
2	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 29. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): GIÁC SƠ ĐỒ TRÊN MÁY TÍNH

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 35
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm giác sơ đồ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn và thực hành giác sơ đồ trên máy tính	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy in màu	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19		
4	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế trang phục trên máy tính	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm thiết kế mẫu
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 30. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): QUẢN LÝ THIẾT BỊ CHUYỀN

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 36
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 31. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): ĐIỀU ĐỘ SẢN XUẤT

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 37
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy tính	Chiếc	07	Dùng để hướng dẫn thực hành tính toán số liệu	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 32. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN) : THIẾT BỊ LÀ ÉP PHOM SẢN PHẨM

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 38
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0,2kW
2	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
3	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 33. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 39
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 34. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): XÂY DỰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT VESTON

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 40
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy tính	Chiếc	07	Dùng để hướng dẫn thực hành tính toán số liệu	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 35. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tủ thuốc	*Chiếc*	*01*	
	Xe đẩy	*Chiếc*	*01*	
	Túi cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Găng tay	*Đôi*	*01*	
	Panh, kéo	*Chiếc*	*01*	
	Hộp dụng cụ sơ cứu	*Hộp*	*01*	
2	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình cứu hỏa dạng lỏng	*Chiếc*	*01*	
	Bình cứu hỏa dạng khí	*Chiếc*	*01*	
	Bình cứu hỏa dạng bọt	*Chiếc*	*01*	
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*	
	Họng cấp nước	*Chiếc*	*01*	
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*	
3	Bộ dụng cụ an toàn	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*	
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*	
	Khẩu trang bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
	Nút chống ồn	*Đôi*	*01*	
	Găng tay bảo hộ	*Đôi*	*02*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
4	Máy may một kim	Bộ	18	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
5	Máy may hai kim	Bộ	02	Tốc độ: (1500 ÷ 2000) vòng/phút
6	Máy vắt sổ	Bộ	02	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
7	Máy 2 kim chỉ tết	Bộ	01	Tốc độ: (3000 ÷ 3500) vòng/phút
8	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	02	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
9	Máy cắt vòng	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
10	Máy cắt xén đầu bàn	Bộ	01	Công suất: ≥ 750W
11	Máy tở vải	Bộ	01	Tốc độ: ≤ 50 m/phút
12	Máy dập móc quần	Bộ	01	- Áp lực khí nén: ≤ 7kg/cm^3 - Lực dập: 470kg
13	Máy đính bọ	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
14	Máy đính cúc	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
15	Máy may lược	Bộ	01	Tốc độ: ≤ 1500 vòng/phút
16	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
17	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
18	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
19	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
20	Máy đánh bóng	Chiếc	01	Công suất: ≤ 1200W
21	Máy khoan dấu	Chiếc	01	Công suất: (500 ÷ 1000)W
22	Máy ép mex	Bộ	01	Khổ rộng: ≥ 45cm
23	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Công suất: 0,2kW
24	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	
25	Dụng cụ vẽ	Bộ	35	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*	
	Thước dẻo	*Chiếc*	*01*	
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*	
	Thước cong	*Chiếc*	*01*	
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*	
	Compa	*Chiếc*	*01*	
	Ê ke	*Chiếc*	*01*	
26	Thước đo	Bộ	1	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước dây	*Chiếc*	*18*	Chiều dài: ≥ 150cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Thước kẹp	*Chiếc*	*06*	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Thước đo độ cao (Martin)	*Chiếc*	*01*	- Chiều dài: (150 ÷ 200)mm - Phạm vi đo: (200 ÷ 300)mm
27	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Dùi	*Chiếc*	*18*	
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*	
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*35*	
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*	
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*	
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*	
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*	
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*	
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*	
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*	
28	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Áo veston nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Áo veston nam 2 hàng khuy ve xếch	*Chiếc*	*01*	
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*	
	Áo gilê nam, nữ	*Chiếc*	*02*	
	Áo veston nữ 1 lớp kiểu cổ bẻ ve	*Chiếc*	*01*	
	Áo veston nữ 1 lớp kiểu cổ đứng	*Chiếc*	*01*	
	Váy (juyp)	*Chiếc*	*01*	
29	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*	
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*	
30	Ma nơ canh bán thân	Bộ	02	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*03*	
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*03*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
31	Bộ mẫu nguyên phụ liệu	Bộ	01	Đảm bảo đủ các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản phù hợp với nội dung bài học
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mẫu vải	*Mẫu*	*02*	
	Mẫu xơ dệt	*Mẫu*	*01*	
	Mẫu chỉ	*Mẫu*	*03*	
	Mẫu phụ liệu dựng	*Mẫu*	*03*	
32	Dụng cụ pha chế	Bộ	06	Vật liệu thủy tinh hoặc tương đương
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cốc	*Chiếc*	*01*	
	Que khuấy	*Chiếc*	*01*	
33	Ấm đun nước	Chiếc	01	Dung tích: ≤ 3 lít
34	Bàn giác mẫu	Chiếc	02	- Dài: (480 ÷ 500)cm - Rộng: (180 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 80)cm
35	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	- Dài: (130 ÷ 160)cm - Rộng: (80 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
36	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
37	Bàn là nhiệt	Bộ	01	Công suất: ≥ 1500W
38	Bàn là hơi nước treo	Bộ	03	Công suất: ≤ 1500W
39	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
40	Bàn tẩy sản phẩm	Bộ	01	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
41	Bàn thiết kế	Chiếc	18	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
42	Bàn trải vải	Chiếc	01	- Dài: ≥ 600cm - Rộng: ≥ 100cm - Cao: ≥ 70cm
43	Cân móc	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
44	Cân bàn	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
45	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	18	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
46	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
47	Ghế	Chiếc	02	- Không có tựa lưng - Chiều cao: (46 ÷ 50)cm - Kích thước mặt ghế: (40 ÷ 45)cm
48	Chặn vải	Chiếc	02	- Dài: ≤ 2500mm - Rộng: ≤ 100mm - Cao: ≤ 50mm
49	Kẹp đứng	Chiếc	10	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
50	Kẹp ngang	Chiếc	10	
51	Que gạt	Chiếc	02	Kích thước: (80 ÷ 100)cm
52	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
53	Kính lúp	Chiếc	09	Độ phóng đại: (12X ÷ 16X)
54	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Bằng thép không gỉ
55	Ghim gài	Vỉ	03	Bằng thép không gỉ
56	Máy tính	Chiếc	09	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
57	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Phù hợp trong nghề may
58	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Đủ các bộ phận chủ yếu của: - Áo Vest nữ một lớp - Áo Veston nam
59	Bộ cữ gá mẫu	Bộ	02	Phù hợp với từng sản phẩm
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
60	Máy vi tính	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
61	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Phần C
DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG THEO MÔN HỌC, MÔ ĐUN TỰ CHỌN

Bảng 36. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): THIẾT KẾ TRÊN MÁY VI TÍNH

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Công nghệ may Veston

Mã số mô đun: MĐ 31

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm thiết kế mẫu	Bộ	01	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy in màu	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19	
4	Máy vi tính	Bộ	19	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm thiết kế mẫu

Bảng 37. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 34
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Âm ly	*Bộ*	*01*	*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*	*Công suất loa: ≥ 20W*
2	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy vi tính	Bộ	19	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 38. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): GIÁC SƠ ĐỒ TRÊN MÁY VI TÍNH
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 35
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm giác sơ đồ	Bộ	01	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy in màu	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19	
4	Máy vi tính	Bộ	19	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm thiết kế mẫu

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ CÔNG NGHỆ MAY VESTON
Trình độ: Trung cấp nghề

(Theo Quyết định số 870/QĐ-BLĐTBXH ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Quản Văn Giáo	Cử nhân Kinh tế	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Cao Bích Thủy	Thạc sỹ Công nghệ may	Phó Chủ tịch Hội đồng
3	Bà Võ Thị Hồng	Thạc sỹ Quản lý đào tạo nghề	Ủy viên Thư ký
4	Bà Nguyễn Thị Sinh	Thạc sỹ Công nghệ may	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Trung Kiên	Kỹ sư Dệt may	Ủy viên
6	Bà Đỗ Phương Nga	Thạc sỹ Công nghệ may	Ủy viên
7	Ông Hà Mạnh	Kỹ sư Tự động hóa	Ủy viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 7b

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
DẠY NGHỀ CÔNG NGHỆ DỆT MAY VESTON

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Công nghệ may Veston

Mã nghề: 50540208

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Năm 2015

Mục lục

Phần thuyết minh

Phần A. Danh mục thiết bị dạy nghề theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn)

Bảng 1. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Vẽ kỹ thuật (MH 07)

Bảng 2. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Nhân trắc học (MH 08)

Bảng 3. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Cơ sở thiết kế trang phục (MH 09)

Bảng 4. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Vật liệu may (MH 10)

Bảng 5. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): An toàn lao động (MH 11)

Bảng 6. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết bị may cơ bản (MĐ 12)

Bảng 7. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Marketing dệt may (MH 13)

Bảng 8. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết kế bộ veston nam (MĐ 14)

Bảng 9. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết kế bộ veston nữ (MĐ 15)

Bảng 10. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết kế mẫu công nghiệp (MĐ 16)

Bảng 11. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Tiếng Anh chuyên ngành (MĐ 17)

Bảng 12. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết kế trên máy tính (MĐ 18)

Bảng 13. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Cắt và chuẩn bị bán thành phẩm công nghiệp (MĐ 19)

Bảng 14. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết bị sản xuất veston (MĐ 20)

Bảng 15. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Công nghệ may bộ veston nam 1 (MĐ 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Công nghệ may bộ veston nam 2 (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Công nghệ may bộ veston nữ (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Hoàn thiện bộ sản phẩm veston (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Quản lý chất lượng (MH 25)

Bảng 20. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết kế công nghệ chuyền may bộ veston nam (MĐ 26)

Bảng 21. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thiết kế công nghệ chuyền may bộ veston nữ (MĐ 27)

Bảng 22. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Kỹ thuật chế tạo cữ dưỡng (MĐ 28)

Bảng 23. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Quản lý thiết bị chuyền (MĐ 29)

Bảng 24. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Điều độ sản xuất (MĐ 30)

Bảng 25. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Tổ chức sản xuất chuyền veston (MĐ 31)

Bảng 26. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thực tập sản xuất (MĐ 32)

Bảng 27. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thực tập tốt nghiệp (MĐ 33)

Bảng 28. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Lịch sử và xu hướng thời trang (MH 34)

Bảng 29. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Thiết kế cắt may áo măng tô (MĐ 35)

Bảng 30. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Thiết bị là ép phom sản phẩm (MH 36)

Bảng 31. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Thiết bị may tự động và bán tự động sản phẩm veston (MĐ 37)

Bảng 32. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Chi phí giá thành sản phẩm veston (MĐ 38)

Bảng 33. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Thiết kế và phát triển thương hiệu (MĐ 39)

Bảng 34. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Quản trị doanh nghiệp sản xuất (MĐ 40)

Bảng 35. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học: Xây dựng dự án đầu tư dây chuyền sản xuất veston (MH 41)

Phần B. Tổng hợp các thiết bị dạy nghề cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 36. Danh mục thiết bị dạy nghề môn học, mô đun bắt buộc

Phần C. Danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn

Bảng 37. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Thiết bị may tự động và bán tự động sản phẩm veston (MĐ 37)

Danh sách Hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề, Nghề Công nghệ may Veston

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Công nghệ may Veston, trình độ Cao đẳng nghề là danh mục bao gồm các loại thiết bị dạy nghề (dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh...) tối thiểu và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà trường đào tạo nghề trên phải trang bị để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên và lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên. Danh mục này được xây dựng trên cơ sở chương trình khung trình độ cao đẳng nghề Công nghệ may veston, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2010/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

I. Nội dung danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Công nghệ may veston

1. Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn).

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 35 danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 36 - Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc. Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả thiết bị có trong danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng tối thiểu đáp ứng yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi chủng loại thiết bị đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của chủng loại đó trong các môn học, mô đun bắt buộc.

3. Phần C. Danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn

Đây là các danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn (từ bảng 34 đến bảng 38) dùng để bổ sung cho bảng B

II. Áp dụng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Công nghệ may veston

Các trường đào tạo nghề Công nghệ may veston trình độ cao đẳng nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc (bảng 36).

2. Danh mục thiết bị bổ sung tương ứng với môn học, mô đun tự chọn. Loại bỏ thiết bị trùng lặp giữa các môn học, mô đun tự chọn (nếu có).

3. Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC, TỰ CHỌN)

Bảng 01. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): VẼ KỸ THUẬT

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ vẽ	Bộ	35	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước dẻo	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*		
	Compa	*Chiếc*	*01*		
	Ê ke	*Chiếc*	*01*		
2	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 02. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): NHÂN TRẮC HỌC

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ các đường thẳng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Thước đo	Bộ	01		
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước dây	*Chiếc*	*18*	*Dùng để hướng dẫn thực hành đo các kích thước*	*Chiều dài: ≥ 150cm*
	Thước kẹp	*Chiếc*	*06*	*Dùng để hướng dẫn thực hành đo bề dày*	*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Thước đo độ cao (Martin)	*Chiếc*	*01*	*Dùng để hướng dẫn thực hành đo chiều cao cơ thể*	*- Chiều dài: (150 ÷ 200)mm - Phạm vi đo: (200 ÷ 300)mm*
3	Cân bàn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đo khối lượng cơ thể	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Ghế	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành đo chiều cao ngồi	- Không có tựa lưng - Chiều cao: (46 ÷ 50)cm - Kích thước mặt ghế: (40 ÷ 45)cm
5	Ma nơ canh bán thân	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn đo các thông số	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*01*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*01*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 03. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): CƠ SỞ THIẾT KẾ TRANG PHỤC

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ các mẫu trang phục	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo	Chiều dài: ≥ 150cm
3	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
4	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế các chi tiết sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
5	Ma nơ canh bán thân	Bộ	01	Dùng để ghim mẫu thiết kế, mặc thử mẫu	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ma nơ canh nam	*Chiếc*	*01*		
	Ma nơ canh nữ	*Chiếc*	*01*		
6	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Áo gilê nam, nữ	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
7	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 04. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): VẬT LIỆU MAY

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Cân móc	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra độ kết dính của mex sau khi ép	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Bộ mẫu nguyên phụ liệu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn phân loại các dạng nguyên phụ liệu	Đảm bảo đủ các mẫu nguyên phụ liệu cơ bản phù hợp với nội dung bài học
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Mẫu vải	*Mẫu*	*02*		
	Mẫu xơ dệt	*Mẫu*	*01*		
	Mẫu chỉ	*Mẫu*	*03*		
	Mẫu phụ liệu dựng	*Mẫu*	*03*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo kích thước vải	Chiều dài: ≥ 150cm
4	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	- Kích thước: (1x1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
5	Kính lúp	Chiếc	09	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết và phân loại cấu trúc kiểu dệt	Độ phóng đại: (12X ÷ 16X)
6	Kim đếm mật độ	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đếm mật độ các loại vải	Bằng thép không gỉ
7	Ấm đun nước	Chiếc	01	Dùng để đun nước đảm bảo nhiệt độ phù hợp cho công việc thí nghiệm	Dung tích: ≤ 3 lít

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
8	Dụng cụ pha chế	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành nhận biết các loại xơ sợi	Vật liệu thủy tinh hoặc tương đương
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Cốc	*Chiếc*	*01*		
	Que khuấy	*Chiếc*	*01*		
9	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 05. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): AN TOÀN LAO ĐỘNG

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy may an toàn	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy vắt sổ an toàn	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy đính cúc an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
4	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cắt vải đẩy tay an toàn	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
5	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy cắt vòng an toàn	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
6	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn vận hành máy thùa khuyết an toàn	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
7	Bàn là nhiệt	Bộ	01	Dùng để giới thiệu kỹ thuật an toàn khi là sản phẩm	Công suất: ≥ 1500W
8	Bàn là hơi nước treo	Bộ	01	Dùng để giới thiệu kỹ thuật an toàn khi vận hành bàn là hơi	Công suất: ≤ 1500W
9	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Dùng để nhận biết và thực hành sơ cứu nạn nhân khi gặp tai nạn	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ thuốc	*Chiếc*	*01*		
	Xe đẩy	*Chiếc*	*01*		
	Túi cứu thương	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*		
	Găng tay	*Đôi*	*01*		
	Panh, kéo	*Chiếc*	*01*		
	Hộp dụng cụ sơ cứu	*Hộp*	*01*		
10	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu khi giảng dạy và thực hành phòng cháy chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình cứu hỏa dạng lỏng	*Chiếc*	*01*		
	Bình cứu hỏa dạng khí	*Chiếc*	*01*		
	Bình cứu hỏa dạng bọt	*Chiếc*	*01*		
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*		
	Họng cấp nước	*Chiếc*	*01*		
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*		
11	Bảo hộ lao động	Bộ	01	Dùng để giới thiệu khi giảng dạy và thực hành bảo vệ an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*		
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*		
	Khẩu trang bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
	Nút chống ồn	*Đôi*	*01*		
	Găng tay bảo hộ	*Đôi*	*02*		
12	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 06. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT BỊ MAY CƠ BẢN

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 12
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may và bảo dưỡng máy	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy may 2 kim	Bộ	02		Tốc độ: (1500 ÷ 2000) vòng/phút
3	Máy vắt sổ	Bộ	02		Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
4	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
5	Máy đính cúc	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
6	Máy đính bọ	Bộ	01		Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
7	Máy may mũi ẩn	Bộ	01		Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
8	Máy ép mex	Bộ	01		Khổ rộng: ≥ 45cm
9	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01		Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
10	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
11	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành, nguyên lý hoạt động và thực hành may	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
12	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tai thời điểm mua sắm
13	Bàn là nhiệt	Bộ	01		Công suất: ≥ 1500W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
14	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
15	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Găng tay bảo hộ	Đôi	02	Dùng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
17	Bộ cữ gá mẫu	Bộ	02	Dùng để giới thiệu cách sử dụng đồ cữ, gá	Phù hợp với từng sản phẩm
18	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 07. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): MARKETING DỆT MAY

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 13
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 08. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ BỘ VESTON NAM

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 14
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ vẽ	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
4	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
5	Ma nơ canh nam bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
6	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nam cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Áo veston nam 2 hàng khuy, ve xếch	*Chiếc*	*01*		
7	Bộ treo sản phẩm	Bộ	*01*	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 09. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ BỘ VESTON NỮ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
2	Dụng cụ vẽ	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
3	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
4	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*35*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
5	Ma nơ canh nữ bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn cách đo, khoác trang phục mẫu trực quan và thử sửa mẫu sau khi thiết kế	- Ghim được mẫu - Kích thước theo cỡ: S, M, L

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
6	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để mô tả chính xác đặc điểm kiểu mẫu cần thiết kế	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ bẻ ve	*Chiếc*	*01*		
	Áo vest nữ 1 lớp kiểu cổ đứng	*Chiếc*	*01*		
7	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ MẪU CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
7	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành, nguyên lý hoạt động và thực hành may vắt các chi tiết	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
8	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách vận hành, nguyên lý hoạt động và thực hành may tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
9	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0,2kW
10	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
11	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
12	Dụng cụ vẽ	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		
	Thước cong	*Chiếc*	*01*		
13	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
14	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*35*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*35*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
	Con lăn sao mẫu	*Chiếc*	*18*		
	Dập ghim	*Chiếc*	*18*		
	Bấm dấu	*Chiếc*	*18*		
	Cắt băng keo	*Chiếc*	*18*		
	Tấm kê trổ mẫu	*Tấm*	*18*		
15	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
16	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Bàn là hơi nước treo	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Công suất: ≤ 1500W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
18	Bàn giác mẫu	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành trải giấy, vải trong quá trình giác mẫu	- Dài: (480 ÷ 500)cm - Rộng: (180 ÷ 200)cm - Cao: (70 ÷ 80)cm
19	Bàn thiết kế	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (70 ÷ 90)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
20	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
21	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
22	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ17
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để tăng âm trong phòng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*		*Công suất loa: ≥ 20W*
2	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ TRÊN MÁY TÍNH

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm thiết kế mẫu	Bộ	01	Dùng để ứng dụng thiết kế mẫu kỹ thuật	Cài được 19 máy vi tính
2	Máy in màu	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bàn, ghế máy vi tính	Bộ	19		
4	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để hướng dẫn thực hành thiết kế trang phục trên máy tính	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm thiết kế mẫu
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CẮT VÀ CHUẨN BỊ BÁN THÀNH PHẨM CÔNG NGHIỆP

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	02	Dùng để thực hành cắt phá, cắt các chi tiết trên bàn cắt	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
2	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
3	Máy cắt xén đầu bàn	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt xén vải	Công suất: ≥ 750W
4	Máy tở vải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tở vải trước khi cắt	Tốc độ: ≤ 50m/phút
5	Máy khoan dấu	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành làm dấu cho các chi tiết	Công suất: (500 ÷ 1000)W
6	Bàn trải vải	Chiếc	02	Dùng để thực hành trải vải	- Dài: ≥ 600cm - Rộng: ≥ 100cm - Cao: ≥ 70cm
7	Găng tay bảo hộ	Đôi	02	Dùng để bảo vệ an toàn trong quá trình cắt bán thành phẩm	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
8	Dụng cụ vẽ	Bộ	06	Dùng để hướng dẫn thực hành vẽ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*		
	Ê ke	*Chiếc*	*01*		
9	Thước dây	Chiếc	09	Dùng để đo thông số, kiểm tra thông số chi tiết	Chiều dài: ≥ 150cm
10	Dụng cụ nghề may	Bộ	1	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Kéo cắt giấy	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Que gạt	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành gạt phẳng lá vải trong quá trình trải vải	Kích thước: (80 ÷ 100)cm
12	Kẹp đứng	Chiếc	10	Dùng để thực hành trong quá trình cắt và trải vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Kẹp ngang	Chiếc	10		
14	Chặn vải	Chiếc	02	Dùng để chặn đầu bàn trong quá trình trải vải	- Dài: ≤ 2500mm - Rộng: ≤ 100mm - Cao: ≤ 50mm
15	Ghim gài	Vỉ	03	Dùng để ghim vải trong quá trình thiết kế	Bằng thép không gỉ
16	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT BỊ SẢN XUẤT VESTON

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may zíc zắc	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy may lược	Bộ	01	Dùng để hướng thực hành may lược các chi tiết sản phẩm	Tốc độ: ≤ 1500 vòng/phút
9	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may tra tay đảm bảo an toàn	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
10	Máy dập móc quần	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập móc quần	- Áp lực khí nén: ≤ 7kg/cm^3 - Lực dập: 470kg
11	Máy 2 kim chỉ tết	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đáy quần	Tốc độ: (3000 ÷ 3500) vòng/phút
12	Cân móc	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra độ kết dính của vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
14	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0.2kW
15	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
16	Máy cắt vải đẩy tay	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành cắt phá chi tiết sản phẩm	Tốc độ: (3000 ÷ 3600) vòng/phút
17	Máy cắt vòng	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt gọt các chi tiết	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
18	Máy khoan dấu	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành làm dấu cho các chi tiết	Công suất: (500 ÷ 1000)W
19	Bàn tẩy sản phẩm	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tẩy vết bẩn trên sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
20	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là hoàn thiện sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
21	Bàn là nhiệt	Chiếc	01		Công suất: ≥ 1500W
22	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
23	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CÔNG NGHỆ MAY BỘ VESTON NAM I

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may zíc zắc	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy may lược	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may lược các chi tiết sản phẩm	Tốc độ: ≤ 1500 vòng/phút
9	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may máy tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
10	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
11	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0,2kW
12	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
13	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để thực hành đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
14	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
15	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
17	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
18	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
19	Ma nơ canh nam bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
20	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
21	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
22	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu của áo Veston nam
23	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CÔNG NGHỆ MAY BỘ VESTON NAM II

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy may zíc zắc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy zíc zắc sống cổ, chân cổ	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy may lược	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may lược các chi tiết sản phẩm	Tốc độ: ≤ 1500 vòng/phút
9	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may máy tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
10	Máy dập móc quần	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dập móc quần	- Áp lực khí nén: ≤ 7kg/cm^3 - Lực dập: 470kg
11	Máy 2 kim chỉ tết	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đáy quần	Tốc độ: (3000 ÷ 3500) vòng/phút

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
12	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
13	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0,2kW
14	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
15	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để thực hành đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
17	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
19	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
20	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
21	Ma nơ canh nam bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
22	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
23	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
24	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Mẫu bán chế phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu của áo Veston nam
25	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
26	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CÔNG NGHỆ MAY BỘ VESTON NỮ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy may một kim	Bộ	18	Dùng để hướng dẫn thực hành may sản phẩm	Tốc độ: ≥ 4000 vòng/phút
2	Máy vắt sổ	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành vắt sổ sản phẩm	Tốc độ: (3500 ÷ 5000) vòng/phút
3	Máy thùa khuyết đầu tròn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành thùa khuyết sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2200 vòng/phút
4	Máy đính cúc	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính cúc sản phẩm	Tốc độ: ≥ 1500 vòng/phút
5	Máy đính bọ	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đính bọ sản phẩm	Tốc độ: ≥ 2500 vòng/phút
6	Máy may mũi ẩn	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành máy vắt các chi tiết trên sản phẩm	Tốc độ: (1200 ÷ 1500) vòng/phút
7	Máy tra tay lớp ngoài	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may máy tra tay	Tốc độ: (1500 ÷ 2500) vòng/phút
8	Máy 2 kim chỉ tết	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may đáy quần	Tốc độ: (3000 ÷ 3500) vòng/phút
9	Máy ép mex	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép mex chi tiết sản phẩm	Khổ rộng: ≥ 45cm
10	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0,2kW
11	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	02	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
12	Thước thẳng	Chiếc	18	Dùng để thực hành đo thông số sản phẩm, làm dấu sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
13	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
14	Bàn hút, cầu là, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là chi tiết sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Bàn tẩy sản phẩm	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tẩy vết bẩn trên sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
16	Bàn sửa, sang dấu	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành sửa, sang dấu sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
17	Dụng cụ nghề may	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành may	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dùi	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt vải	*Chiếc*	*18*		
	Kéo cắt chỉ	*Chiếc*	*18*		
	Kim khâu tay	*Vỉ*	*03*		
18	Dưỡng bổ túi	Bộ	03	Dùng để hướng dẫn thực hành may túi	Theo thông số chuẩn của từng loại túi
19	Ma nơ canh nữ bán thân	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn thực hành mặc và thử sửa sản phẩm	- Ghim được mẫu - Kích thước thông dụng theo cỡ: S, M, L
20	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
21	Tủ đựng nguyên phụ liệu, sản phẩm	Chiếc	01	Dùng để lưu trữ nguyên liệu, dụng cụ, sản phẩm	Phù hợp trong nghề may
22	Mẫu bán chế phẩm	Bộ	02	Dùng để giới thiệu trình tự và phương pháp may các bộ phận chủ yếu của sản phẩm	Đủ các bộ phận chủ yếu của áo Vest nữ một lớp
23	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
24	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): HOÀN THIỆN BỘ SẢN PHẨM VESTON

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy ép thân trước trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom thân trước áo	Công suất: 0.2kW
2	Máy ép ve nẹp trái, phải	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành ép phom ve nẹp áo	
3	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
4	Bàn tẩy sản phẩm	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tẩy vết bẩn trên sản phẩm	- Dài: (120 ÷ 180)cm - Rộng: (90 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
5	Bàn hút, cầu, bàn là hơi	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành là sản phẩm	Đồng bộ, loại phổ biến trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số môn học: MH 25
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước dây	Chiếc	18	Dùng để đo các kích thước theo yêu cầu	Chiều dài: ≥ 150cm
2	Kéo cắt chỉ	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành bấm các đầu chỉ, xơ vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nam, nữ	*Chiếc*	*02*		
	Quần âu nam, nữ cơ bản	*Chiếc*	*02*		
	Áo gilê nam, nữ	*Chiếc*	*02*		
4	Cân móc	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra độ kết dính của mex sau khi ép	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Cân bàn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn kiểm tra khối lượng của vải	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Kính kiểm tra mật độ (Kính đếm sợi)	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành kiểm tra mật độ dọc, mật độ ngang của vải	- Kích thước: (1 x 1) inch - Độ phóng đại: (6X ÷ 12X)
7	Bàn kiểm tra sản phẩm	Chiếc	03	Dùng để hướng dẫn đo và kiểm tra sản phẩm	- Dài: (130 ÷ 160)cm - Rộng: (80 ÷ 120)cm - Cao: (70 ÷ 90)cm
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ CHUYỀN MAY
BỘ VESTON NAM

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy tính	Chiếc	09	Dùng để thực hành tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
4	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nam cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nam cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Áo gilê nam	*Chiếc*	*01*		
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ CHUYỀN MAY
BỘ VESTON NỮ

Tên nghề: Công nghệ may Veston
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03	Dùng để thực hành xác định thời gian tiêu hao trong quá trình gia công sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy tính	Chiếc	09	Dùng để thực hành tính toán trong quá trình thiết kế chuyền, xây dựng định mức sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Bộ treo sản phẩm	Bộ	01	Dùng để treo sản phẩm	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Giá treo sản phẩm	*Chiếc*	*01*		
	Mắc treo sản phẩm	*Chiếc*	*18*		
5	Sản phẩm mẫu	Bộ	01	Dùng để làm giáo cụ trực quan	Đẹp, đúng yêu cầu môn học, mang tính thời trang
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Áo veston nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Quần âu nữ cơ bản	*Chiếc*	*01*		
	Váy (juyp)	*Chiếc*	*01*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI Lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ (1800 x 1800)mm

(Xem tiếp Công báo số 719 + 720)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng